TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **35**/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 19 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 561/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số 221, Ấp 4, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về tranh chấp chia tài sản và nợ chung theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20 tháng 10 năm 2025:

1/ Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Ấp A, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Số 221, Ấp 4, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn C. Ghi nhận bà T và ông C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà T và ông C có hai con chung họ tên là:

- Nguyễn Thị Kim T3, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1997.

- Nguyễn Minh T4, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2004.

Hai con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động, bà T và ông C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

2.2. Về tài sản chung: Bà T và ông C thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà T và ông C thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung nên không giải quyết.

2.4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng do bà T tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012149 ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai trên.

- Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012148 ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2b);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- Lưu HS, VP (3b). TC:10b.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân